

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DSST

Ngày: 19/02/2025

V/v: “Tranh chấp hụi, họ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hụi, họ” theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 16/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST – DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1957

Địa chỉ: SN 26 đường Đ, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị D – sinh năm 1977

Địa chỉ: Phố Q, phường L, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với cô Lê Thị D và bà được biết cô D là chủ hộ, nên bà có tham gia góp họ cùng với cô D. Cách thức góp họ mà cô D làm chủ như sau: Mỗi một dây họ có 22 người tham gia, mỗi tháng mỗi người phải đóng 2.000.000 đồng tiền gốc cho cô D. Người nào lĩnh họ sẽ được lĩnh 44.000.000 đồng tiền gốc. Người nào lĩnh trước thì mỗi tháng tiếp theo sẽ phải đóng thêm 400.000

đồng/tháng, còn người nào lĩnh sau thì sẽ được hưởng tiền lãi là 400.000đồng đối với số tháng trước đó đã đóng. Riêng cô D là người được lĩnh tiền họ đầu tiên và không phải đóng lãi đối với các tháng tiếp theo.

Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/12/2023, bà tham gia góp 04 dây họ với cô D cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Tham gia ngày 15/3/2023, bà tham gia góp 03 chân họ, mỗi chân 2.000.000đồng/tháng. Bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp họ và bà đã lĩnh được một chân họ vào tháng 5/2024, còn 02 chân chưa lĩnh. Tính từ tháng 3/2023 đến 25/6/2024 bà đã góp được 15 tháng họ bằng số tiền là 2.000.000 đồng/tháng x 02 chân họ x 15 tháng = 60.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Tham gia ngày 15/7/2023, bà tham gia góp 02 chân họ, mỗi chân 2.000.000 đồng/tháng. Bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp họ. Bà chưa được lĩnh họ. Tính từ tháng 7/2023 đến 25/6/2024 bà đã góp được 11 tháng họ bằng số tiền là 2.000.000 đồng/tháng x 02 chân họ x 11 tháng = 44.000.000đồng.

Dây thứ ba: Tham gia ngày 15/9/2023, bà tham gia góp 01 chân họ. Bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp họ. Tính từ tháng 9/2023 đến 25/6/2024 bà đã góp được 9 tháng họ bằng số tiền là 18.000.000 đồng.

Dây thứ 4: Tham gia ngày 15/12/2023, bà tham gia góp 03 chân họ, mỗi chân 2.000.000 đồng/tháng, bà chưa được lĩnh họ. Tính từ tháng 12/2023 đến 25/6/2024 bà đã góp được 06 tháng họ bằng số tiền là 2.000.000 đồng/tháng x 03 chân họ x 06 tháng = 36.000.000đồng.

Tổng số tiền 4 dây họ bà đã tham gia là 158.000.000 đồng.

Đến ngày 25/6/2024 cô D tuyên bố vỡ họ, giữa bà và cô D đã đối chiếu số tiền bà đã góp và trừ đi số tiền bà đã lĩnh của chân họ trước là 14.000.000 đồng. Ngày 26/6/2024 cô D có viết giấy xác nhận nợ với bà với số tiền là 144.000.000 đồng và nói với bà đến tháng 8/2024 sẽ trả hết, nhưng cô D mới chỉ trả thêm cho bà được số tiền 10.000.000 đồng. Tại thời điểm bà làm đơn khởi kiện, giữa bà chưa trừ đi số tiền 10.000.000 đồng cô D đã trả nên đã yêu cầu cô D phải trả cho bà tổng số tiền là 144.000.000đồng, không yêu cầu cô D phải trả lãi.

Nay bà cầu Tòa án giải quyết buộc cô Lê Thị D phải trả cho bà tổng số tiền gốc mà bà đã góp họ là 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu đồng) và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Về phía bị đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị H về việc bà H có tham gia góp 04 dây họ cho chị. Cách thức tham gia và thời gian tham gia, số tiền chị nhận từ bà H như bà H trình bày đều đúng. Đến tháng 6/2024 chị bị vỡ họ, giữa chị và bà H đã đối chiếu số tiền bà H đã góp và số tiền bà H đã lĩnh, thì số tiền chị còn nợ bà H là 144.000.000đồng nên chị có viết giấy xác nhận nợ với bà H. Sau đó tôi cũng đã trả thêm được cho bà H số tiền 10.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc tôi phải trả lại số tiền 134.000.000 đồng, chị đồng ý, nhưng hiện tại chị chưa đủ khả năng trả nợ nên chị xin được trả dần cho đến khi hết khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu chị Lê Thị D phải trả số tiền gốc còn lại là 134.000.000 đồng và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng.

Ý kiến của đại diện VKS: Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về nội D: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019 của chính phủ về hộ, hộ, biểu phưởng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hộ, hộ; bị đơn chị Lê Thị D cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn chị Lê Thị D (có đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội D tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị D phải trả số tiền bà đã tham gia góp 04 dây hộ từ ngày 15/3/2023 đến ngày 25/6/2024 bằng tổng số tiền 158.000.000đồng, bà đã được lĩnh số tiền 14.000.000đồng. Ngày 25/6/2024 chị D tuyên bố vỡ hộ. Ngày 26/6/2024 bà và chị D đã đối chiếu số tiền đã góp và trừ đi số tiền đã lĩnh của chân hộ trước thì số tiền chị D còn nợ bà là 144.000.000 đồng và chị D có viết giấy xác nhận nợ cho bà. Sau đó chị D đã trả thêm cho bà được số tiền 10.000.000 đồng. **Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền chị Lê Thị D còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền là 134.000.000 đồng.**

Xét thấy việc chị Lê Thị D có nợ tiền hộ của bà Nguyễn Thị H số tiền 134.000.000 đồng là có thật. Vì vậy, việc bà H yêu cầu chị D phải trả số tiền đã đóng hộ là 134.000.000đ, không yêu cầu chị D phải trả lãi là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 280; 471 Bộ luật dân sự, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên bà H được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn chị Lê Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm b, tiểu mục 1.3 khoản 1 phần I, mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Điều 280; Điều 471; Điều 357 BLDS; Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm b, tiểu mục 1.3 khoản 1 phần I, mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Lê Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền đã đóng họ là 134.000.000đ (một trăm ba mươi tư triệu đồng), không yêu cầu phải trả lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS cho đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí DSST là 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án .

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Dũng

Nguyễn Hồng Vân

Trương Thị Quỳnh

